

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Lương Văn Cầu

2/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1994 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Nam S, thị trấn N, huyện T, An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T - Luật sư của Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang(có mặt).

Bị đơn: Anh Võ Huỳnh T, sinh năm: 1994 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Phú H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Huỳnh T kết hôn vào ngày 24 tháng 3 năm 2019, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng chưa kịp đăng ký kết hôn theo quy định. Sau đám cưới khoảng 9 ngày thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp trong đời sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không có khả năng đoàn tụ với nhau, nên chị bỏ đi và hai bên ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Võ Huỳnh T

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 26/8/2019 và biên bản hòa giải ngày 4/9/2019 bị đơn anh Võ Huỳnh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị P về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị P trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hòa hợp trong đời sống vợ chồng, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay trước yêu cầu của chị P, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị P và đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Huỳnh T là bị đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Huỳnh T

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc P và anh Võ Huỳnh T kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 3 năm 2019, hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị đã vi phạm tại điều 9 luật hôn nhân gia đình 2014. Căn cứ vào điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc P và anh Võ Huỳnh T

[2] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc P

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc P và anh Võ Huỳnh T

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004376 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2019). Anh Võ Huỳnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Hoa